

Bản án số: 127/2019/HS-PT

Ngày: 04-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Công Huân;
2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 596/TLPT-HS, ngày 27/12/2018, đối với các bị cáo Huỳnh Hữu S, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H do có kháng cáo các của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 146/2018/HSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Huỳnh Hữu S**; sinh năm: 1970, tại Sài Gòn; giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: 01 ấp C, xã BL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm nhang; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T1 (chết) và bà Dương Thị C (1944); hoàn cảnh gia đình: có vợ và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2018 đến ngày 19/10/2018. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Nguyễn Thị Kim L**; sinh năm: 1973, tại Long An; giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú: ấp D, xã HT, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hà N (chết) và bà Nguyễn Thị T2 (1943); Hoàn cảnh gia đình: có chồng và 02 người con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006); tiền án: Không; tiền sự: Ngày 02/7/2017 có hành vi “Đánh bạc”, bị Công an xã BL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính theo Quyết định số 00111416/QĐ-XPHA ngày 08/7/2017;

Bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2018 (có mặt).

3. **Phạm Thị Thu H** (tên gọi khác: B.C); sinh năm: 1967, tại Sài Gòn; giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú: 06 ấp A, xã BL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T3 (1949) và bà Nguyễn Thị L1 (1952); hoàn cảnh gia đình: có chồng và 04 người con (lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1989, tại Long An; giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: ấp AH, xã BHB, huyện H, tỉnh Long An; Chỗ ở: 89 ấp B, xã BL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 (1950) và bà Huỳnh Thị C2 (1952); hoàn cảnh gia đình: có vợ, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

5. **Phạm Thị Thu H1** (tên gọi khác: Bé Em), sinh năm: 1967, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 47 đường N, khu phố D, phường HB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T3 (1949) và bà Nguyễn Thị L1 (1952); hoàn cảnh gia đình: có chồng (chết) và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1996); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. **Phạm Thị Thu H2**, sinh năm: 1981, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú: 10 đường E, khu phố M, phường HB, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 25 ấp A, xã BL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T3 (1949) và bà Nguyễn Thị L1 (1952); hoàn cảnh gia đình: có chồng và 02 người con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án: Không; tiền sự: Không.

2. **Nguyễn Thị Thúy K**, sinh năm: 1972, tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Hộ khẩu thường trú: 76 đường P, khu phố L, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Lê Kim T4 (1942); hoàn cảnh gia đình: có chồng và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1997); tiền án: Không; tiền sự: Không.

3. **Đoàn Hoàng G**, sinh năm: 1989.

4. **Lê Thị H3**, sinh năm: 1966.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 40 phút ngày 03/7/2018, Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an huyện Bình Chánh phối hợp với Công an xã BL, huyện Bình Chánh tiến hành kiểm tra nhà số 01 ấp C, xã BL, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh của Huỳnh Hữu S thì phát hiện các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Hoàng G, Lê Thị H3, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị Thu H1, Phạm Thị Thu H2, Nguyễn Thị Thúy K đang đánh bài xì dách ăn tiền tại đây. Lực lượng công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo và thu giữ 11.800.000 đồng là tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc. Quá trình điều tra, xác định được rằng Huỳnh Hữu S đã cho các bị cáo đã nêu sử dụng nhà số 01 ấp C, xã BL, huyện Bình Chánh để đánh bạc, với mục đích lấy tiền xâu; mỗi ván bài, nếu nhà cái thắng thì xâu từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, nếu thắng nhiều thì xâu 50.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 146/2018/HSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Hữu S, Nguyễn Văn T, Đoàn Hoàng G, Lê Thị H3, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị Thu H1, Phạm Thị Thu H2, Nguyễn Thị Thúy K phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu S 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 10/9/2018 đến ngày 19/10/2018; phạt bổ sung 30.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2018; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 299; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Đoàn Hoàng G 04 (bốn) tháng 17 (mười bảy) ngày tù; trả tự do cho bị cáo Đoàn Hoàng G tại tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm nào khác; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Thị H3 09 (chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2018; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2018; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Thị Thu H.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2018; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thu H2 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã BL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Phạm Thị Thu H2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thúy K: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thúy K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, nộp phạt sung quỹ Nhà nước và thời hạn kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 22/11/2018, 23/11/2018, 28/11/2018 và 04/12/2018, các bị cáo Phạm Thị Thu H, Huỳnh Hữu S, Phạm Thị Thu H1, Nguyễn Thị Kim L và Nguyễn Văn T lần lượt có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là nặng nên bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Huỳnh Hữu S giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung xin được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Phạm Thị Thu H giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết như sau:

Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo Huỳnh Hữu S, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H là thỏa đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thu H1: Các bị cáo đã rút đơn kháng cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo Phạm Thị Thu H2 và Nguyễn Thị Thúy K được hưởng án treo, nhưng lại không tuyên hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách là thiếu sót. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm, bổ sung nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Hữu S, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H1, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Ngày 25/12/2018 và ngày 04/01/2019 bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thu H1 lần lượt có đơn xin rút kháng cáo. Việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện. Do đó, căn cứ Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thu H1.

[3] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo Huỳnh Hữu S, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Vào lúc 14 giờ 40 phút ngày 03/7/2018, các bị cáo Nguyễn Văn T, Đoàn Hoàng G, Lê Thị H3, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị Thu H1, Phạm Thị Thu H2, Nguyễn Thị Thúy K có hành vi đánh bạc tại nhà của Huỳnh Hữu S, địa chỉ số 01 ấp C, xã BL, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, với cách thức chơi bài xì dách. Trong đó, Nguyễn Văn T và Đoàn Hoàng G hùn tiền cùng nhau để làm cái; còn các bị cáo Lê Thị H3, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị Thu H1, Phạm Thị Thu H2 và Nguyễn Thị Thúy K trực tiếp đặt cược. Tổng số tiền thu trên chiếu bạc là 11.800.000 đồng (bao gồm 7.150.000 đồng của Nguyễn Văn T và Đoàn Hoàng G; 2.900.000 đồng của Nguyễn Thị Thúy K; 200.000 đồng của Nguyễn Thị Kim L, 400.000 đồng của Phạm Thị Thu H; 150.000 đồng của Huỳnh Hữu S). Số tiền của từng bị cáo bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Nguyễn Văn T và Đoàn Hoàng G: 10.000.000 đồng; Lê Thị H3: 700.000 đồng; Nguyễn Thị Kim L: 300.000 đồng; Phạm Thị Thu H: 800.000 đồng; Phạm Thị Thu H1: 300.000 đồng; Nguyễn Thị Thúy K: 4.500.000 đồng; Phạm Thị Thu H2: 200.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận Huỳnh Hữu S, Nguyễn Văn T, Đoàn Hoàng G, Lê Thị H3, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị Thu H1, Phạm Thị Thu H2, Nguyễn Thị Thúy K đã phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1

Điều 321 Bộ luật hình sự. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh kết án các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Hữu S, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H:

Đối với Huỳnh Hữu S và Phạm Thị Thu H: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm i và s Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có căn cứ. Riêng bị cáo Huỳnh Hữu S có mẹ là người có công với Cách mạng (được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba), nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo có mức độ nguy hiểm hạn chế; Huỳnh Hữu S phạm tội với vai trò giúp sức; số tiền Phạm Thị Thu H sử dụng vào việc đánh bạc là không lớn (sử dụng 800.000 đồng vào việc đánh bạc), bị cáo là phụ nữ đã 52 tuổi. Mặt khác, bị cáo Huỳnh Hữu S đã bị tạm giữ, tạm giam 01 tháng 09 ngày, trong thời gian được tại ngoại, các bị cáo chấp hành tốt các yêu cầu của cơ quan tố tụng, không có vi phạm pháp luật nào khác, có khả năng tự cải tạo. Vì các lý do đã nêu, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Hữu S và Phạm Thị Thu H.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng. Tuy nhiên, vào ngày 02/7/2017, bị cáo đã bị Công an xã BL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim L.

[5] Về các nội dung khác:

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù đối với Phạm Thị Thu H2 và Nguyễn Thị Thúy K nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong quá trình chấp hành án treo theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là không đúng với hướng dẫn tại khoản 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do vậy, cần bổ sung nội dung này. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Trong quá trình điều tra, khi xác định lý lịch của bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Cơ quan điều tra đã không thu thập tài liệu liên quan nên đã xác định sai tên mẹ của bị cáo Nguyễn Thị Kim L, cụ thể: Mẹ bị cáo Nguyễn Thị Kim L tên là Nguyễn Thị T2 nhưng lại ghi là Nguyễn Thị Q. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bà Nguyễn Thị T2 đã cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản sao giấy khai sinh của bị cáo Nguyễn Thị Kim L để làm căn cứ đối chứng. Do vậy, cần điều chỉnh nội dung này trong bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Bị cáo Huỳnh Hữu S và Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Hữu S, Phạm Thị Thu H; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim L; sửa Bản án sơ thẩm số 146/2018/HSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Hữu S, Phạm Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim L, Phạm Thị Thu H2 và Nguyễn Thị Thúy K phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Huỳnh Hữu S, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị Thu H2 và Nguyễn Thị Thúy K. Riêng bị cáo Huỳnh Hữu S còn được áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Hữu S** 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm; phạt bổ sung 30.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Thu H** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Thu H2** 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thúy K** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Giao bị cáo Huỳnh Hữu S, Phạm Thị Thu H2 và Phạm Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân xã BL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thúy K cho Ủy ban nhân dân phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo Huỳnh Hữu S, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị Thu H2, Nguyễn Thị Thúy K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Huỳnh Hữu S, Phạm Thị Thu H, Phạm Thị Thu H2, Nguyễn Thị Thúy K cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù đã tuyên đối với các bị cáo trong bản án này.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Kim L** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2018; phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

2. Áp dụng Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thu H1. Hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Thị Thu H1 theo Bản án sơ thẩm số 146/2018/HSST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí.

Các bị cáo Huỳnh Hữu S và Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND huyện Bình Chánh; (1)
- VKSND huyện Bình Chánh; (1)
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh; (1)
- P.PC53 - CATP.HCM; (1)
- Các bị cáo; (5)
- Trại giam; (1)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (7)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ (30). (5)

Phạm Uyên Thy